

5'	3. Củng cố, dặn dò	<ul style="list-style-type: none"> - GV có thể sử dụng thêm các tranh ảnh đã chuẩn bị thêm để thảo luận. - Có thể cho 1 số HS thực hành về vị trí chiếu sáng. <i>Bước 3:</i> Cho HS làm việc cá nhân theo phiếu . - Gọi HS trình bày kết quả trên phiếu . - Nhận xét , chốt lại kết quả đúng. - GV giải thích: khi đọc, viết tư thế phải ngay ngắn, khoảng cách giữa mắt và sách giữ ở vị trí khoảng 30 cm.... - Gọi HS trình bày lại những việc cần làm để bảo vệ mắt. - Nhận xét tiết học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận phiếu học tập. Tự làm bài. - Một số HS trình bày kết quả - Nghe và ghi nhớ. -2- 3 HS đọc phần bạn cần biết.
----	--------------------	--	---

Tập làm văn
LUYỆN TẬP TÓM TẮT TIN TỨC

I. MỤC ĐÍCH- YÊU CẦU

- Biết tóm tắt một bản tin cho trước bằng một, hai câu (BT1,2)
- Bước đầu tự viết được một tin ngắn (4,5 câu) về hoạt động học tập, sinh hoạt động (hoặc tin hoạt động ở địa phương), tóm tắt được tin đã viết bằng một, hai câu.
- Giáo dục HS ý thức tự giác khi làm bài.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :

- Một tờ giấy viết lời giải BT1(phân nhận
- 4 - 5 tờ giấy khổ to để HS làm BT 2 (phần luyện tập)

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC :

TG	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
3'	A.Kiểm tra bài cũ	- Yêu cầu 2 học sinh nhắc lại cách tóm tắt tin tức đã học.	- 2 HS trả lời câu hỏi.
1'	B. Bài mới 1. Giới thiệu bài	-GV nêu mục đích, yêu cầu cần đạt của tiết học.	- Lắng nghe.
30'	2.Hướng dẫn luyện tập <u>Bài 1</u>	- Gọi 1 HS đọc đề bài " bản tin về hoạt động đội của Trường Tiểu học Lê Văn Tám". - Yêu cầu HS đọc thầm suy nghĩ và trao đổi trong bàn để tìm ra cách tóm tắt bản tin sao cho thật ngắn gọn nhưng đầy đủ ý nghĩa - GV giúp HS những HS gặp khó khăn. - Yêu cầu HS phát biểu ý kiến. - GV nhận xét, sửa lỗi và cho điểm những học sinh có ý kiến hay nhất.	- 2HS nối tiếp nhau đọc thành tiếng, lớp đọc thầm bản tin. - 2 HS ngồi cùng bàn trao đổi và tóm tắt nội dung mỗi tin bằng 1- 2 câu. -3 HS làm bài vào bảng nhóm. Làm xong đính bài lên bảng. - Tiếp nối nhau phát biểu. *Tóm tắt bằng 1 câu: Liên đội trường Tiểu học Lê Văn Tám (An Sơn, Tam Kỳ, Quảng Nam) trao học bổng và quà cho các bạn học sinh nghèo học giỏi và các bạn học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. - Nhận xét bài bạn.
	<u>Bài 2</u>	- Yêu cầu 1 HS đọc đề bài - Yêu cầu HS đọc thầm suy nghĩ và trao đổi trong bàn để tìm ra cách tóm tắt bản tin. - Mời 2 HS làm bài trên 2 tờ phiếu lớn, khi làm xong dán bài lên bảng.	- 1 HS đọc thành tiếng, lớp đọc thầm bản tin + 2 HS ngồi cùng bàn trao đổi và sửa cho nhau - 2 HS lên bảng thực hiện vào 2 tờ phiếu lớn - Tiếp nối nhau phát biểu: +Hoạt động của 236 bạn học sinh tiểu học thuộc

3'	<p>Bài 3</p> <p>3. Củng cố, dặn dò</p>	<ul style="list-style-type: none"> + HS ở lớp nhận xét bài bạn. + GV nhận xét ghi điểm học sinh. - Gọi 1 HS đọc yêu cầu bài tập - GV lưu ý HS thực hiện theo hai bước: <ul style="list-style-type: none"> - <u>Bước 1</u> : Viết tin tức. - <u>Bước 2</u> : Tự tóm tắt tin tức đó. - GV kiểm tra sự chuẩn bị về các tin tức nói về hoạt động của chi đội, liên đội do GV đã dặn về nhà qua tiết học trước. - GV giúp HS những HS gặp khó khăn - Gọi HS lần lượt đọc kết quả bài làm. - Yêu cầu cả lớp và GV nhận xét, sửa lỗi và cho điểm những học sinh có ý kiến hay nhất. - Nhận xét tiết học. - Dặn HS về nhà xem lại bản tóm tắt tin tức - Dặn HS chuẩn bị bài sau 	<p>nhiều màu da ở Trường Quốc tế Liên hợp quốc(Vạn Phúc- Hà Nội).</p> <ul style="list-style-type: none"> + Một số hoạt động bổ ích và lý thú của những học sinh tiểu học thuộc nhiều màu da ở Trường Quốc tế Liên hợp quốc(Vạn Phúc- Hà Nội) - Nhận xét bài bạn. - 1 HS đọc thành tiếng lớp đọc thầm bài - Lớp thực hiện theo yêu cầu. - Tiếp nối nhau phát biểu. + Hưởng ứng phong trào giúp bạn vượt khó, liên đội trường Tiểu học Đỗ Động đã gom tiền được 650 000 đồng. Mua được 20 chiếc áo trắng và 40 quyển vở để tặng các bạn học khuyết tật trong dịp tết Nguyên đán vừa qua. - HS ở lớp lắng nghe nhận xét và bổ sung.
----	---	---	---

Phân rút kinh nghiệm tiết dạy:

.....

.....

.....

TOÁN

Tiết 124: TÌM PHÂN SỐ CỦA MỘT SỐ

I. MỤC TIÊU:

- 1.Kiến thức: - Biết cách giải bài toán dạng: Tìm phân số của một số.
- 2.Kĩ năng: - Giải được bài toán có liên quan đến tìm phân số của một số.
- 3.Thái độ: - GD cho HS tính cẩn thận chính xác khi học toán.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :

1. GV: -Vẽ sẵn hình minh hoạ như phần bài học trong SGK lên bảng.
- 2.HS: - SGK, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC :

TG	Nội dung	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
3'	A.Kiểm tra bài cũ	- Nêu cách nhân phân số? - GV nhận xét..	- 3 HS nêu.
1'	B. Bài mới		
1'	1. Giới thiệu bài		
8'	2.Ôn tập về tìm một phần mấy của một số	- GV nêu bài toán: Lớp 4A có 36 học sinh, số học sinh thích học toán bằng $\frac{1}{3}$ số học sinh cả lớp. Hỏi lớp 4A có bao nhiêu học sinh thích học toán.	- HS đọc lại đề bài và trả lời: Số học sinh thích học toán của lớp 4A là: $36 : 3 = 12$ học sinh
10'	3.Hướng dẫn tìm phân số của một số	- GV nêu bài toán: Một rổ cam có 12 quả. Hỏi $\frac{2}{3}$ số cam trong rổ là bao nhiêu quả ? - GV treo hình minh hoạ đã chuẩn bị, yêu cầu HS quan sát và hỏi HS: + $\frac{2}{3}$ số cam trong rổ như thế nào so với $\frac{1}{3}$ số cam trong rổ ? + Nếu biết được $\frac{1}{3}$ số cam trong rổ là bao nhiêu quả thì làm thế nào để biết tiếp được $\frac{2}{3}$ số cam trong rổ là bao nhiêu quả + $\frac{1}{3}$ số cam trong rổ là bao nhiêu quả ? + $\frac{2}{3}$ số cam trong rổ là bao nhiêu quả ?	- HS đọc lại bài toán. - HS quan sát hình minh hoạ và trả lời: + $\frac{2}{3}$ số cam trong rổ gấp đôi $\frac{1}{3}$ số cam trong rổ. + Ta lấy $\frac{1}{3}$ số cam trong rổ nhân với 2. + $\frac{1}{3}$ số cam trong rổ là $12 : 3 = 4$ quả + $\frac{2}{3}$ số cam trong rổ là $4 \times 2 = 8$ quả - $\frac{2}{3}$ của 12 quả cam là 8 quả.

17'	3. Thực hành Bài 1	<p>* Vậy $\frac{2}{3}$ của 12 quả cam là bao nhiêu quả ?</p> <p>- Em hãy điền dấu phép tính thích hợp vào chỗ chấm: $12 \times \frac{2}{3} = 8$</p> <p>- GV yêu cầu HS thực hiện phép tính.</p> <p>* Vậy muốn tính $\frac{2}{3}$ của 12 ta làm như thế nào ?</p> <p>- Hãy tính $\frac{2}{3}$ của 15.</p> <p>- Hãy tính $\frac{3}{4}$ của 24.</p> <p>GV yêu cầu HS đọc đề bài và tự làm bài.</p>	<p>- Điền dấu nhân (\times)</p> <p>- HS thực hiện $12 \times \frac{2}{3} = 8$</p> <p>- Muốn tính $\frac{2}{3}$ của 12 ta lấy số 12 nhân với $\frac{2}{3}$.</p> <p>- Là $15 \times \frac{2}{3} = 10$.</p> <p>- Là $24 \times \frac{3}{4} = 18$.</p>
	Bài 2	<p>- GV gọi HS đọc bài làm của mình trước lớp.</p> <p>- GV nhận xét HS.</p> <p>- GV tiến hành tương tự như bài tập 1.</p>	<p>HS đọc đề bài, sau đó áp dụng phần bài học để làm bài:</p> <p style="text-align: center;">Bài giải</p> <p>Số HS được xếp loại khá là:</p> $35 \times \frac{3}{5} = 21 \text{ (học sinh)}$ <p>Đáp số: 21 học sinh</p> <p>- 1 HS đọc bài làm của mình, HS cả lớp theo dõi để nhận xét.</p> <p>- HS tự làm bài vào vở.</p> <p style="text-align: center;">Bài giải</p> <p>Chiều rộng của sân trường là:</p> $120 \times \frac{5}{6} = 100 \text{ (m)}$ <p>Đáp số: 100m</p>
3'	4. Củng cố, dặn dò	<p>- Nêu cách tìm phân số của 1 số?</p> <p>- Dặn HS về nhà học bài và chuẩn bị bài sau: phép chia phân số</p>	<p>- HS nêu.</p> <p>- Cả lớp lắng nghe ghi nhớ về nhà thực hiện.</p>

KHOA HỌC NÓNG, LẠNH VÀ NHIỆT ĐỘ

I. MỤC TIÊU:

1.Kiến thức:

- Nêu được ví dụ về vật nóng hơn có nhiệt độ cao hơn, vật lạnh hơn có nhiệt độ thấp hơn.

2.Kĩ năng:

- Sử dụng được nhiệt kế để xác định nhiệt độ cơ thể, nhiệt độ không khí.

3.Thái độ:

- Thêm yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC:

- GV: Một số loại nhiệt kế, phích nước sôi, một ít nước đá.

- HS: Chuẩn bị theo nhóm: nhiệt kế, ba chiếc cốc.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:

TG	Nội dung	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
4'	1)Kiểm tra bài cũ:	- Em làm gì để bảo vệ đôi mắt? - Hằng ngày em gặp những vật nóng, những vật lạnh nào?	- Học sinh thực hiện - Cả lớp chú ý theo dõi
1'	2) Bài mới: Giới thiệu bài:		
14'	<u>Hoạt động 1:</u> Tìm hiểu về sự truyền nhiệt	-Yêu cầu học sinh quan sát hình 1 và trả lời câu hỏi trang 100 SGK. - Người ta dùng khái niệm nhiệt độ để diễn tả mức độ nóng lạnh của các vật. Em hãy nêu ví dụ về các vật có nhiệt độ bằng nhau; vật này nóng hơn vật kia;.. - Cho học sinh trình bày ví dụ trước lớp - Nhận xét, bổ sung, điều chỉnh	- Học sinh tìm những vật nóng lạnh thường gặp hàng ngày - Quan sát hình 1 và trả lời: <i>cốc a nóng hơn cốc nhưng lạnh hơn cốc b.</i> - Học sinh tìm ví dụ - Học sinh nêu ví dụ trước lớp.... - Nhận xét, bổ sung, rút kinh nghiệm
14'	<u>Hoạt động 2:</u> Thực hành sử dụng nhiệt kế	- Giới thiệu học sinh 2 loại nhiệt kế: loại dùng cho người và loại dùng đo nhiệt độ không khí. - hướng dẫn cách dùng và nêu nguyên tắc hoạt động của nhiệt kế cho học sinh. - Nhận xét tuyên dương	- Cả lớp theo dõi giới thiệu và hướng dẫn của giáo viên - Thực hành đo nhiệt độ các cốc nước, sử dụng nhiệt kế y tế đo nhiệt độ cơ thể.
5'	4) Củng cố,dặn	- Người ta diễn tả sự nóng lạnh	- Học sinh trả lời trước

	dò:	bằng gì? - Dùng dụng cụ gì để đo? - Nhận xét tiết học - Dặn học sinh chuẩn bị bài: <i>Nóng, lạnh và nhiệt độ (tiếp theo)</i>	lớp - Cả lớp chú ý theo dõi
--	-----	--	------------------------------------

LUYỆN TỪ VÀ CÂU
MỞ RỘNG VỐN TỪ: DỮNG CẢM

I. MỤC TIÊU:

1.Kiến thức: - Mở rộng được một số từ ngữ thuộc chủ điểm Dũng cảm qua việc tìm từ cùng nghĩa, việc ghép từ (BT1, BT2); hiểu nghĩa một vài từ theo chủ điểm (BT3); biết sử dụng một số từ ngữ thuộc chủ điểm qua việc điền vào chỗ trống trong đoạn văn (BT4).

2.Kĩ năng: - Biết vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập đúng, thành thạo

3.Thái độ: - Giáo dục HS có ý thức học tập tốt, vận dụng vốn từ vào viết văn hay.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :

1.GV: - Bảng phụ, từ điển tiếng Việt.

2.HS: - SGK, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC :

TG	Nội dung	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
3-5'	A.Kiểm tra bài cũ	- Gọi 3 HS lên bảng đọc đoạn văn kể về một loại trái cây yêu thích, chỉ rõ các câu: <i>Ai là gì ?</i> trong đoạn văn viết. - Nhận xét, kết luận .	- 3 HS lên bảng đọc.
2'	B. Bài mới		
	1. Giới thiệu bài	- GV nêu mục đích, yêu cầu cần đạt của tiết học.	- Lắng nghe.
30'	2.hướng dẫn làm bài tập		
	Bài 1:	- Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung - GV dán 3 tờ phiếu lên bảng. - Nhận xét, kết luận các từ đúng.	- 1 HS đọc thành tiếng. - HS thảo luận theo nhóm đôi. - 3 HS lên bảng gạch dưới các từ ngữ cùng nghĩa với từ Dũng cảm. - HS nhận xét bài làm của 3 bạn. Bổ sung các từ mà các bạn chưa có. + Các từ cùng nghĩa với từ dũng cảm nói về đức tính của con người: <i>gan dạ, anh hùng, anh dũng, can đảm, can trường, gan góc, gan lì, bạo gan, quả cảm, ...</i>
	Bài 2:	- Gọi HS đọc yêu cầu. -Yêu cầu HS trao đổi theo nhóm tìm các từ ngữ chỉ về sự dũng cảm của con người. - HS lên làm trên bảng. - Gọi 1 HS cuối cùng trong nhóm đọc kết quả làm bài.	- 1 HS đọc thành tiếng. - HS thảo luận trao đổi theo nhóm. - HS lên bảng + HS đọc kết quả: a/ Các từ chỉ về lòng Dũng cảm con người

3'	<p>Bài 3:</p> <p>Bài 4:</p> <p>3. củng cố, dặn dò</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS cả lớp nhận xét các từ bạn tìm được đã đúng với chủ đề chưa. - Gọi HS đọc yêu cầu. - GV mở bảng phụ đã chuẩn bị. - Gọi 1 HS lên bảng làm mẫu ghép các vế để thành câu có nghĩa. - HS phát biểu, GV chốt lại. <ul style="list-style-type: none"> - GV nêu yêu cầu của bài tập. - GV mở bảng phụ đã viết sẵn đoạn văn còn những chỗ trống. - Gọi 1 HS đọc yêu cầu đề bài. <ul style="list-style-type: none"> - HS phát biểu, GV chốt lại. <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét tiết học. - Dặn HS về nhà xem lại bài, chuẩn bị bài sau: Luyện tập về câu kể Ai làm gì ? 	<ul style="list-style-type: none"> + Tinh thần dũng cảm, hành động dũng cảm, em bé liên lạc dũng cảm, dũng cảm xông lên, người chiến sĩ dũng cảm, nữ du kích dũng cảm,dũng cảm nói lên sự thật. - Nhận xét bổ sung <ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc thành tiếng. - Quan sát bài trên bảng, suy nghĩ và ghép các vế thành câu hoàn chỉnh. - HS tự làm bài tập vào vở - Tiếp nối đọc lại các câu văn vừa hoàn chỉnh : <ul style="list-style-type: none"> + Gan góc: (chống chọi, kiên cường không lùi bước) + Gan lì :(gan đến mức trở ra, không còn biết sợ là gì) + gan dạ :(không sợ nguy hiểm) <ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc thành tiếng, lớp đọc thầm yêu cầu. - 1 HS lên bảng điền. - Tự suy nghĩ và điền từ vào chỗ trống để tạo thành câu văn thích hợp. - Tiếp nối đọc các câu vừa điền. <ul style="list-style-type: none"> + HS Lắng nghe.
----	---	--	--

TOÁN
Tiết 125: PHÉP CHIA PHÂN SỐ

I. MỤC TIÊU:

1.Kiến thức: -Biết cách thực hiện phép chia hai phân số: lấy phân số thứ nhất nhân với phân số thứ hai đảo ngược.

2.Kĩ năng: Làm tính và giải được các bài toán có liên quan đến phép chia phân số.

3.Thái độ: HS yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :

1.GV: - Hình vẽ minh hoạ như trong phần bài học SGK vẽ sẵn trên bảng phụ.

2.HS: - SGK, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC :

TG	Nội dung	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
3'	A.Kiểm tra bài cũ	- Nêu cách tìm phân số của một số? GV nhận xét .	- 2 HS nêu. -HS dưới lớp theo dõi để nhận xét.
1'	B. Bài mới 1. Giới thiệu bài		- HS lắng nghe.
12'	2.HD thực hiện phép chia phân số	- Bài toán: Hình chữ nhật ABCD có diện tích $\frac{7}{15}m^2$, chiều rộng là $\frac{2}{3}m$. Tính chiều dài của hình chữ nhật đó. + Khi đã biết diện tích và chiều rộng của hình chữ nhật muốn tính chiều dài chúng ta làm như thế nào? + Hãy đọc phép tính để tính chiều dài của hình chữ nhật ABCD ? + Bạn nào biết thực hiện phép tính trên? - GV nhận xét, hướng dẫn: Muốn thực hiện phép chia hai phân số ta lấy phân số thứ nhất nhân với phân số thứ hai đảo ngược. Trong bài toán trên, phân số $\frac{3}{2}$ được gọi là phân số đảo ngược của phân số $\frac{2}{3}$. Từ đó ta thực hiện phép tính sau: $\frac{7}{15} : \frac{2}{3} = \frac{7}{15} \times$	- HS nghe và nêu lại bài toán. - Ta lấy số đo diện tích của hình chữ nhật chia cho chiều dài. - Chiều dài của hình chữ nhật ABCD là: $\frac{7}{15} : \frac{2}{3}$. - HS thử tính, có thể tính đúng hoặc sai. - HS nghe giảng và thực hiện lại phép tính.